TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ - ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và Bà Nguyễn Thị Minh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Dương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, về việc: Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/8/2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị M**, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1990 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn Đ**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1991- Vắng mặt không có lý do

Nơi cư trú: Xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ: Khu Thống Nhất, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện: Ông Lê Việt H - Chức vụ giám đốc Phòng giao dịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K ngày 26/10/2014. Trong quá trình chung

sống chị và anh Đ có quan điểm sống khác nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M do anh Đ mải chơi, thường xuyên mang tài sản như điện thoại, xe máy đi cầm cố để lấy tiền chơi bời. Do vậy mà vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được, anh chị không còn chung sống từ tháng 3/2023, chị thấy hôn nhân giữa chị và anh Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Bùi Khánh B, sinh ngày 13/12/2015. Sau khi ly hôn chị Bùi Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có ngôi nhà xây lợp mái tôn diện tích rộng 30m^2 và nhà bếp liền kề với nhà ở diện tích 20m^2, xây trên đất của gia đình anh Đ; tại xóm: Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình; 01 xe máy Airblade, trong khi vợ chồng sống ly thân, anh Đ đã bán xe được 17.000.000 đồng; vợ chồng anh chị đã thỏa thuận; anh Đ sở hữu nhà ở, nhà bếp và 17.000.000 *(Mười bảy triệu)* đồng tiền bán xe, anh Bùi Văn Đ hỗ trợ cho chị M 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng, chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của vợ chồng anh chị.

- Về công nợ chung: Vợ chồng anh chị có vay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình 50.000.000đ *(Năm mươi triệu)* đồng, vay theo chương trình hộ nghèo để mua 02 con trâu, ngày 09/12/2022, chị M đã trả 3.000.000đ *(Ba triệu)* đồng tiền nợ gốc, dư nợ gốc hiện tại 47.000.000đ *(Bốn mươi bảy triệu)* đồng, hàng tháng chị là người trả lãi khoản vay trên. Sau khi ly hôn chị M nhận trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi toàn bộ số tiền nợ gốc 47.000.000đ (*Bốn mươi bảy triệu)* đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay khi đến hạn trả nợ.

* Ý kiến của anh Bùi Văn Đ:

- Về quan hệ Hôn nhân: Anh xác nhận về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày là đúng, do mâu thuân vợ chồng đã trầm trọng không khắc phục được, vợ chồng không còn chung sống, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Có một con chung Bùi Khánh B, sinh ngày 13/12/2015, anh Bùi Văn Đ yêu cầu sau khi ly hôn anh được nuôi cháu Bùi Khánh B, vì từ tháng 3/2023, chị M về nhà bố mẹ đẻ sống và đi làm ở đi đâu anh Đ không biết, cháu B sống cùng anh Đ, hiện tại cháu B vẫn đang sống cùng anh Đ, chị M thỉnh thoảng về nhưng không chu cấp gì cho cháu B. Anh Đ không nhất trí để cháu B sống với chị M sau ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, chưa yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh đã thỏa thuận với chị M, sau khi ly hôn anh Bùi Văn Đ sở hữu toàn bộ nhà ở và nhà bếp, xây trên đất của bố mẹ anh, tại xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình, giá trị chiếc xe đã bán 17.000.000 *(Mười bảy triệu)* đồng, anh Đ hỗ trợ cho chị M 50.000.000 *(Năm mươi triệu đồng)*, đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận của anh chị.

- Về công nợ chung: Vợ chồng vay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Kim Bôi 50.000.000đ *(Năm mươi triệu)* đồng, như chị M trình bày là đúng, hiện tại còn nợ 47.000.000 *(Bốn mươi bảy triệu)* đồng, sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị M chịu trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi toàn bộ số tiền nợ gốc 47.000.000 *(Bốn mươi bảy triệu)* đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay khi đến hạn trả nợ.

* Ý kiến của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội: Ngày 09/4/2022 hộ bà M có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi số tiền 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng, thời hạn vay đến ngày 09/4/2027 ngày 09/12/2022, người vay đã trả 3.000.000đ *(Ba triệu)* đồng tiền nợ gốc, dư nợ gốc hiện tại 47.000.000đ *(Bốn mươi bảy triệu)* đồng, hàng tháng bà M là người trả lãi khoản vay trên, do ông Đ thường xuyên không có ở nhà, nay bà M, ông Đ ly hôn, đề nghị bà Bùi Thị M có trách nhiệm nhận nợ số tiền gốc 47.000.000 đồng, trả toàn bộ số tiền vay và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay khi đến hạn cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi.

* Tại phiên tòa chị Bùi Thị M giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình; anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án anh không có yêu cầu mới.

* Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi có đơn xin vắng mặt, trong đơn giữ nguyên ý kiến, không có yêu cầu mới.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên Kim Bôi phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự và quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, khoản 2 Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Áp dụng Điều 55 và Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử *(HĐXX)* công nhận thuận tình ly hôn giữa chị: Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ; Về con chung: Giao con Bùi Khánh B, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng anh Bùi Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bên; Về án phí chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Trả lại chị Bùi Thị M 3.796.000 đồng tiền tạm ứng án phí

chia tài sản chung; Về quyền kháng cáo các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn Đ hiện đang cư trú tại xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn Đ, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

+ Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh chị là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ mải chơi nhiều lần mang tài sản của gia đình đi cầm cố dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được, anh chị đã không chung sống cùng nhau từ tháng 3/2023, chị M thấy hôn nhân giữa chị và anh Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn Đ.

+ Ý kiến anh Bùi Văn Đ, anh chị kết hôn và đăng kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày là đúng, chị Bùi Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý.

HĐXX xét thấy chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn, nên công nhận thuận ly hôn giữa chị M và anh Đ, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 13/12/2015 Ý kiến chị M sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh Bùi Văn Đ sau khi ly hôn anh cũng có nguyên vọng nuôi con chưa yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy anh chị có 01 con chung chưa thành niên, cháu Bùi Khánh B có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sinh sống với chị M, xét thấy cháu là nữ sinh sống cùng mẹ sẽ phù hợp hơn, trong việc chăm sóc và giáo dục, mặt khác anh Đ cũng thường xuyên đi làm xa nhà, sẽ không đảm bảo thời gian chăm sóc cháu, để đảm bảo quyền lợi cho các bên. Nên giao cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con, cho đến khi các bên có yêu cầu mới theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung:* HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bên sau khi ly hôn, anh Bùi Văn Đ được sở hữu, sử dụng ngôi nhà xây lợp mái tôn diện tích rộng 30m^2 và nhà bếp liền kề với nhà ở diện tích 20m^2, xây trên đất của gia đình anh Đ; tại xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình, 17.000.000 *(Mười bảy triệu)* đồng tiền bán xe. Anh Bùi Văn Đ hỗ trợ cho chị Mười là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu)* đồng tiền ổn định chỗ ở.

- Về công nợ chung: Ngày 09/4/2022 chị Bùi Thị M, anh Bùi Văn Đ vay 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kim Bôi thời hạn vay đến ngày 09/4/2027, ngày 09/12/2022 đã trả 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng tiền nợ gốc, dư nợ gốc hiện tại 47.000.000đ *(Bốn mươi bảy triệu)* đồng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kim Bôi đề nghị chị Bùi Thị M có trách nhiệm nhận nợ số tiền gốc 47.000.000 đồng và trả món nợ trên theo quy định, chị M và anh Đ thỏa thuận sau khi ly hôn chị M chịu trách nhiệm trả nợ gốc khi đến hạn và tiền lại phát sinh theo hợp đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kim Bôi. HĐXX xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện nên ghi nhận sau khi ly hôn chị Bùi Thị M trả tiền gốc 47.000.000 đồng khi đến hạn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kim Bôi.

[4] *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại chị Bùi Thị M 3.796.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, do các đương sự đã thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

[5] *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; anh Bùi Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con, anh Bùi Văn Đ có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Khi có thay đổi chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ, có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên sau khi ly hôn, anh Bùi Văn Đ được sở hữu, ngôi nhà xây lợp mái tôn diện tích 30m^2 và nhà bếp liền kề với nhà ở diện tích 20m^2, xây trên đất của bố mẹ anh Đ; tại xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình và 17.000.000 *(Mười bảy triệu)* đồng tiền bán xe; anh Bùi Văn Đ phải trả cho chị Bùi Thị M 50.000.000đ *(Năm mươi triệu)* đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về công nợ chung: Sau khi ly hôn chị Bùi Thị M phải trả số nợ gốc 47.000.000 *(Bốn mươi bảy triệu)* đồng cho Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình khi đến hạn trả nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị M tự nguyện nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lại thu số: 0005309 ngày 09/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Trả lại chị Bùi Thị M 3.796.000 *(Ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí có số biên lại thu 0005603 ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Hùng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Quang Dự